

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Địa chỉ: 74F3 Khu ĐTM Đại Kim, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, Hà Nội



**BÁO CÁO
TÀI CHÍNH**

QUÝ: II NĂM 2013

Gồm các biểu:

- 1. Bảng Cân đối kế toán**
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính**

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2013 (Từ ngày 01/04/2013 đến 30/06/2013)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		44.541.367.589	54.880.678.999
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	4.258.670.135	1.739.866.679
1 Tiền	111		4.258.670.135	1.739.866.679
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.395.147.880	49.636.317.461
1. Phải thu khách hàng	131	VI.2	27.850.422.528	47.354.576.178
2. Trả trước cho người bán	132	VI.3	539.736.519	2.276.752.450
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn (tạm ứng)	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
3. Các khoản phải thu khác	135	VI.4	4.988.833	4.988.833
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	-	-
IV. Hàng tồn kho	140		11.180.515.298	3.410.777.481
Hàng tồn kho	141	VI.5	11.180.515.298	3.410.777.481
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		707.034.276	93.717.378
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.4	-	-
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		707.034.276	93.717.378
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	VI.5	-	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	VI.6	-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		263.680.763.043	263.229.167.557
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.180.763.043	5.729.167.557
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.7	5.512.143.043	5.283.274.830
Nguyên giá	222		5.902.257.514	5.402.257.514
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(390.114.471)	(118.982.684)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.8	668.620.000	445.892.727
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		257.500.000.000	257.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		20.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.9	237.500.000.000	237.500.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.10	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.28	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		308.222.130.632	318.109.846.556

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2013 (Từ ngày 01/04/2013 đến 30/06/2013)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu Năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		72.822.789.303	82.615.765.511
I. Nợ ngắn hạn	310		72.822.789.303	82.615.765.511
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.10	-	-
1. Phải trả người bán	312	VI.12	66.235.607.784	75.523.943.011
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.13	4.803.979.689	6.011.726.034
4. Phải trả người lao động	315	VI.13	-	-
5. Chi phí phải trả	316	VI.14	-	-
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.783.201.830	1.080.096.466
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		235.399.341.329	235.494.081.045
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.14	235.399.341.329	235.494.081.045
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		216.000.000.000	216.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.332.982.284	1.132.896.466
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.091.458.960	566.448.233
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.974.900.085	17.794.736.346
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		308.222.130.632	318.109.846.556

CÁC CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối Quý	Số đầu Năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công vật tư			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gởi, ký cược			

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2013

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ THU HOÀI



CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2013 (Từ ngày 01/04/2013 đến 30/06/2013)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2013

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND		Đơn vị tính: VND	
			Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.715.500.500	68.150.431.710	18.827.393.249	68.150.431.710
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	8.715.500.500	68.150.431.710	18.827.393.249	68.150.431.710
4 Giá vốn hàng bán	11	VII.2	7.983.491.340	64.059.974.408	17.333.817.592	64.059.974.408
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		732.009.160	4.090.457.302	1.493.575.657	4.090.457.302
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	148.728	2.998.568	198.788	3.838.435.984
7 Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8 Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.4	339.327.811	402.953.834	595.417.158	563.865.448
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		392.830.077	3.690.502.036	898.357.287	7.365.027.838
11 Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12 Chi phí khác	32	VII.5	-	840.672	6.002.317	1.646.922
13 Lợi nhuận khác	40		-	(840.672)	(6.002.317)	(1.646.922)

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2013 (Từ ngày 01/04/2013 đến 30/06/2013)

14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	392.830.077	3.689.661.364	892.354.970	7.363.380.916
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	98.274.707	922.415.341	224.589.322	1.840.845.229
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-			
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	294.555.370	2.767.246.023	667.765.648	5.522.535.687

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2013

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ THU HOÀI



CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2013 (Từ ngày 01/04/2013 đến 30/06/2013)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ II NĂM 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này (Năm trước)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 Lợi nhuận trước thuế	892.354.970	7.363.380.916
Điều chỉnh cho các khoản		
02 Khấu hao TSCĐ	271.131.787	4.837.728
05 Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	(198.788)	(3.838.435.984)
08 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	1.163.287.969	3.529.782.660
09 Tăng giảm các khoản phải thu	20.627.852.683	(30.541.168.549)
10 Tăng giảm hàng tồn kho	(7.769.737.817)	(1.420.620.000)
11 Tăng giảm các khoản phải trả	(9.716.062.500)	71.936.853.849
14 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(1.432.335.667)	
16 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(59.400.000)	
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2.813.604.668	43.504.847.960
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21 Tiền chi để mua sắm XD, TSCĐ và các TSDH khác	(295.000.000)	
25 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(106.000.000.000)
27 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	198.788	3.838.435.984
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(294.801.212)	(102.161.564.016)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
31 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH		60.000.000.000
40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		60.000.000.000
50 Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	2.518.803.456	1.343.283.944
60 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	1.739.866.679	3.779.715.336
70 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4.258.670.135	5.122.999.280

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2013

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ THU HOÀI



CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2013

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính Quý II năm 2013 của Công ty Cổ Phần Luyện Kim Phú Thịnh (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh:

- Kinh doanh bất động sản bao gồm: Đầu tư, xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung, tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê, thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại.
- Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô.
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi và công nghiệp.
- Lập các dự án và đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến khoáng sản và luyện kim (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình).
- Mua bán khoáng sản, các thiết bị máy móc khai khoáng, chế biến khoáng sản và luyện kim.
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và luyện kim (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính Quý II năm 2013 thuộc năm tài chính thứ 06 (sáu) của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ trong năm được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 161/2007TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Nhật ký chung.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2013 (Từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013)

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo Hóa đơn chứng từ.

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá: hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở thời điểm hiện tại.

Phương pháp hạch toán: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp đánh giá hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

5. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm Tài sản cố định như sau:

<u>Nhóm TSCĐ</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc thiết bị	04
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

6. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2013 (Từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao quyền sở hữu, xuất hóa đơn giá trị gia tăng và khách hàng đồng ý thanh toán.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh.

10. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.6

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt VND	4.250.652.450	1.727.912.257
Tiền VNĐ	8.017.685	11.954.422
Cộng	4.258.670.135	1.739.866.679

2. Phải thu của khách hàng

Cộng	27.850.422.528	47.354.576.178
-------------	-----------------------	-----------------------

3. Trả trước cho người bán

Cộng	539.736.519	2.276.752.450
-------------	--------------------	----------------------

4. Các khoản phải thu khác

Cộng	4.988.833	4.988.833
-------------	------------------	------------------

5. Hàng tồn kho

Nguyên liệu vật liệu	1.197.236.915	1.197.836.915
Hàng hóa	9.612.141.338	2.123.488.380
Chi phí SXKD dở dang	370.537.045	89.452.186
Cộng	11.180.515.298	3.410.777.481

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2013 (Từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013)

6. Tài sản ngắn hạn khác

Cộng

7. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Máy móc thiết bị	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác (*)	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số đầu năm	24.400.000	10.726.364	5.367.131.150	5.402.257.514
2. Tăng trong kỳ	-	-	500.000.000	500.000.000
3. Giảm trong kỳ				-
4. Số cuối kỳ	24.400.000	10.726.364	5.867.131.150	5.902.257.514
II. Hao mòn lũy kế				
1. Số đầu năm	23.412.489	6.118.009	89.452.186	118.982.684
2. Tăng trong kỳ	987.511	2.506.467	267.637.809	271.131.787
3. Giảm trong kỳ				-
4. Số cuối kỳ	24.400.000	8.624.476	357.089.995	390.114.471
III. Giá trị còn lại				
1. Số đầu năm	987.511	4.608.355	5.277.678.964	5.283.274.830
2. Số cuối kỳ		2.101.888	5.510.041.155	5.512.143.043

Nguyên giá Tài sản cố định hết khấu hao vẫn còn sử dụng: 24.400.000đ

Giá trị còn lại của Tài sản cố định mang đi cầm cố thế chấp các khoản vay: không có

(*) Tài sản cố định khác tăng lên trong kỳ là của Mỏ Eo Dông

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	668.620.000	445.892.727
Cộng	668.620.000	445.892.727

9. Đầu tư vào Công ty con

Công ty TNHH MTV Khoáng sản và Luyện Kim Thăng Long Nghệ An (*)

	20.000.000.000	20.000.000.000
--	----------------	----------------

Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000
-------------	-----------------------	-----------------------

Ghi chú (*): Tỷ lệ góp vốn là 100 %.

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

(a) Công ty CP Chi Kẽm Yên Bái	167.500.000.000	167.500.000.000
(b) Công ty TNHH MTV XNK Yên Bái Lào Cai	70.000.000.000	70.000.000.000
Cộng	237.500.000.000	237.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2013 (Từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013)

11. Đầu tư dài hạn khác

Cộng

-

12. Phải trả cho người bán

Cộng

66.235.607.784

75.523.943.011

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Đầu kỳ
Thuế		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.798.990.856	6.006.737.201
Thuế thu nhập cá nhân	4.988.833	4.988.833
Các loại thuế khác		
- Thuế môn bài		
Các khoản phải nộp khác	-	
Tổng cộng	4.803.979.689	6.011.726.034

- **Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng Luật Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành.
- Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất 10%: Hàng bán trong nước.

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh số V.7).

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại hình khác nhau, có thể được giải thích nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết biến động vốn đầu tư của chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm	216.000.000.000	1.132.896.466	566.448.233	17.794.736.346	235.494.081.045
Lãi trong kỳ				667.765.648	667.765.648
Lợi nhuận trong kỳ	-			(14.487.601.909)	(14.487.601.909)
Trích lập các quỹ	-	12.200.085.818	1.525.010.727		13.725.096.545
Số dư cuối kỳ	216.000.000.000	13.332.982.284	2.091.458.960	3.974.900.085	235.399.341.329

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2013 (Từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013)

15. Cổ phiếu

	Năm 2013
- Số lượng Cổ phiếu đăng ký phát hành:	21.600.000
- Số lượng Cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông:	21.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi:	-
- Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành:	21.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông:	21.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi:	-
Mệnh giá Cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000

16. Các quỹ của doanh nghiệp

	Cuối kỳ	Đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	13.332.982.284	1.132.896.466
Quỹ dự phòng tài chính	2.091.458.960	566.448.233

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý này năm 2013	Quý này năm 2012
Doanh thu bán hàng	8.715.500.500	68.150.431.710
Cộng	8.715.500.500	68.150.431.710

2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán	7.983.491.340	64.059.974.408
Cộng	7.983.491.340	64.059.974.408

3. Doanh thu tài chính

- Lãi tiền gửi ngân hàng	148.728	2.998.568
- Lãi tiền cho vay		
Cộng	148.728	2.998.568

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2013 (Từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý này năm 2013	Quý này năm 2012
- Chi phí nhân viên quản lý	311.077.538	183.733.000
- Chi phí khấu hao	893.865	1.612.614
- Thuế, phí, lệ phí		
- Chi phí bằng tiền khác	27.356.408	217.608.220
Cộng	339.327.811	402.953.834

5. Chi phí khác

- Chi phí khác		840.672
Cộng		840.672

6. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	392.830.077	3.689.661.364
- Điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	268.750	
- Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế		
- Tổng thu nhập chịu thuế	393.098.827	3.689.661.364
- Thuế suất thuế TNDN phải nộp	25%	25%
- Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	98.274.707	922.415.341

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty Cổ phần Luyện Kim Phú Thịnh hoạt động kinh doanh tại Thành phố Hà Nội. Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Và Luyện Kim Thăng Long - Nghệ An (công ty con) hoạt động kinh doanh tại Tỉnh Nghệ An.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	Quý I/2013
Tại Thành phố Hà Nội	8.715.500.500
Tại Tỉnh Nghệ An	-
Cộng	8.715.500.500

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2013 (Từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013)

2. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.258.670.135	1.739.866.679
Phải thu khách hàng, phải thu khác	28.395.147.880	49.636.317.461
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	257.500.000.000	257.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng	290.153.818.015	308.876.184.140
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	72.822.789.303	82.615.765.511
Các khoản phải trả khác	-	-
Cộng	72.822.789.303	82.615.765.511

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam. Các ngân hàng này đều là các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2013 (Từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm/kỳ				
- Phải trả cho người bán và phải trả khác	72.822.789.303	-	-	72.822.789.303
- Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	72.822.789.303	-	-	72.822.789.303
Số đầu năm				
- Phải trả cho người bán và phải trả khác	82.615.765.511	-	-	82.615.765.511
- Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	82.615.765.511	-	-	82.615.765.511

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.258.670.135	-	-	4.258.670.135
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.395.147.880	-	-	28.395.147.880
Đầu tư dài hạn		257.500.000.000	-	257.500.000.000
Cộng	32.653.818.015	257.500.000.000	-	290.153.818.015
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.739.866.679	-	-	1.739.866.679
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.636.317.461	-	-	49.636.317.461
Đầu tư dài hạn		257.500.000.000	-	257.500.000.000
Cộng	51.376.184.140	257.500.000.000	-	308.876.184.140

CÔNG TY CỔ PHẦN LUYỆN KIM PHÚ THỊNH

Số 74F3, Khu đô thị mới Đại Kim, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Quý II năm 2013 (Từ ngày 01/04/2013 đến ngày 30/06/2013)

5. Báo cáo bộ phận

Trong 6 tháng đầu năm 2013, doanh thu chính của Công ty phát sinh chủ yếu trên cùng một địa bàn và doanh thu chủ yếu tập trung vào một số loại sản phẩm hàng hóa. Do đó, Công ty không thực hiện trình bày Báo cáo bộ phận. Trong 6 tháng cuối năm 2013, nếu phát sinh doanh thu tại các khu vực khác nhau thì Công ty tiến hành lập báo cáo bộ phận.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán-Tư vấn Đất Việt và Báo cáo Quý I năm 2013, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/04/2012 đến ngày 30/06/2012 được Công ty lập theo phương pháp trực tiếp. Tại Báo cáo tài chính này, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/04/2012 đến ngày 30/06/2012 được lập theo phương pháp gián tiếp để phục vụ mục đích so sánh.

- Kết quả Lợi nhuận sau thuế Quý 1 năm 2013 so với Quý 1 năm 2012

So sánh kết quả kinh doanh Quý 2 năm 2013 với Quý 2 năm 2012 thấy: kết quả lợi nhuận sau thuế Quý 2 năm 2012 tăng 2.472.690.653đ so với Quý 2 năm 2013 vì:

Doanh thu Quý 2 năm 2012 cao hơn Doanh thu đạt được Quý 1 năm 2013 nên đạt mức lợi nhuận hơn. 6 tháng cuối năm 2013 đơn vị sẽ đẩy mạnh cơ cấu bán hàng, cải tiến phương pháp kinh doanh, đẩy mạnh đầu tư phát triển ngành nghề chính (Khoáng sản, luyện kim) của Công ty phát triển nhằm tạo chỗ đứng trên thị trường bền vững và ổn định.

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hoài

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2013

